



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN SÀI GÒN**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 31



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301261975 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 30 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 và 01/01/2017 là 396.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo thông báo chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 437/QĐ-SGDHN ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SSN.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Công nghiệp khai thác cá và các thủy sản khác;
- Chế biến cá và thủy sản khác;
- Mua bán vải sợi, hàng thực phẩm chế biến;
- Đại lý vận tải biển;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán thủy sản, nông sản, thực phẩm, máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm hóa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phương tiện vận tải, thức ăn gia súc – thủy sản, vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), thức ăn nuôi trồng thủy sản, bạc nguyên chất (hàm lượng bạc trên 90%) dạng thỏi hoặc bán thành phẩm;
- Sản xuất, gia công linh kiện thép;
- Kinh doanh kho, bãi;
- Kinh doanh dịch vụ nhà ở và văn phòng làm việc (thực hiện đúng Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24/05/2001 của Thủ tướng Chính phủ);
- Mua bán thuốc bảo vệ thực vật;
- Luyện, cán thép (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là cho thuê kho, văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị

Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn – Xí nghiệp Phú Viên
Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn
Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn – kho lạnh Sea Sài Gòn
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn

Địa chỉ

67 Phố Phú Viên, Tổ 2, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
678 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
214 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Cao Trung	Chủ tịch	08/02/2017	
Ông Đặng Văn Diện	Chủ tịch		08/02/2017
Ông Phạm Văn Hải	Phó Chủ tịch		
Ông Vũ Đức Tâm	Thành viên		
Ông Nguyễn Phúc	Thành viên		
Bà Đỗ Thị Hồng	Thành viên	05/06/2017	

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Trần Bảo Quốc	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Bình	Thành viên
Ông Trương Kim Toàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	
Ông Vũ Đức Tâm	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Nhân Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	26/05/2017
Ông Nguyễn Nam Định	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Vũ Đức Tâm	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



VU CAO TRUNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

995
TY
HỮU
TOÁN
I NA
C



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 180/2017/BCSX-HCM.00815



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 08 năm 2017, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRẦN ĐẶC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.096.741.723.051	1.069.324.717.374
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.942.019.936	37.646.939.799
1. Tiền	111		2.942.019.936	37.646.939.799
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.092.381.460.029	1.030.326.789.544
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.902.361.475	30.700.629.317
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.348.598.623	310.049.129.963
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	242.867.000.030	277.199.520.548
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	840.960.454.460	419.053.303.602
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(8.985.743.479)	(8.964.582.806)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	2.288.788.920	2.288.788.920
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.418.243.086	1.350.988.031
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.407.009.330	1.350.988.031
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	11.233.756	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.304.523.503	54.257.821.670
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.123.373.712	8.907.030.154
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	44.489.254.319	45.089.914.432
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.3	22.987.392.370	22.987.392.370
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	476.108.238	476.108.238
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	(60.829.381.215)	(59.646.384.886)
II. Tài sản cố định	220		8.904.205.420	2.587.990.772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	8.904.205.420	2.587.990.772
- Nguyên giá	222		12.044.777.810	5.384.777.810
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.140.572.390)	(2.796.787.038)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		264.747.900	264.747.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(264.747.900)	(264.747.900)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.796.373.221	22.510.680.595
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.10	27.796.373.221	22.510.680.595
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	983.238.000	707.019.900
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.847.240.000	4.847.240.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.864.002.000)	(4.140.220.100)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.497.333.150	19.545.100.249
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	19.497.333.150	19.545.100.249
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.161.046.246.554	1.123.582.539.044

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		664.749.276.137	665.541.065.385
I. Nợ ngắn hạn	310		663.807.974.662	665.259.763.910
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	2.265.243.176	2.917.144.301
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	97.071.614.807	96.527.247.781
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	15.167.564.242	10.348.610.890
4. Phải trả người lao động	314		97.762.623	168.020.852
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	13.236.982.461	13.134.289.758
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	535.989.963.472	542.185.606.447
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(21.156.119)	(21.156.119)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		941.301.475	281.301.475
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	660.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	281.301.475	281.301.475
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

0044
CÔNG
CHÍNH
KIỂM
C VIÊN
- TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		496.296.970.417	458.041.473.659
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	496.296.970.417	458.041.473.659
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		396.000.000.000	396.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		396.000.000.000	396.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		931.464.240	931.464.240
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.365.506.177	61.110.009.419
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		61.110.009.419	(22.398.047.905)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		38.255.496.758	83.508.057.324
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.161.046.246.554	1.123.582.539.044

Phạm Hải Yến

PHẠM HẢI YẾN
Người lập biểu

Trần Thị Mai Thu

TRẦN THỊ MAI THU
Kế toán trưởng



VŨ ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

3995-
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN
SÀI GÒN
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.186.131.257	12.620.954.480
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	12.186.131.257	12.620.954.480
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.882.857.219	2.200.182.027
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.303.274.038	10.420.772.453
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	46.746.559.504	13.353.737.464
Chi phí tài chính	22	6.4	73.477.802	1.934.042.721
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		349.695.648	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.590.025.384	(19.385.359.869)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.386.330.356	41.225.827.065
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	6.6	418.054.623	10.173.147.852
Lợi nhuận khác	40		(418.054.623)	(10.173.147.852)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.968.275.733	31.052.679.213
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	9.712.778.975	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.255.496.758	31.052.679.213
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	966	785



PHẠM HẢI YẾN
Người lập biểu



TRẦN THỊ MAI THU
Kế toán trưởng



VŨ ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.968.275.733
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	343.785.352
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	927.938.902
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(46.746.559.504)
- Chi phí lãi vay	06	349.695.648
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.843.136.131
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(49.198.405.955)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(5.285.692.626)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(6.844.568.223)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	47.767.099
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(349.695.648)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.660.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(62.447.459.222)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.660.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	34.332.520.518
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.018.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.742.539.359
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(34.704.919.863)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	37.646.939.799
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	2.942.019.936

PHẠM HẢI YẾN
Người lập biểu

TRẦN THỊ MAI THU
Kế toán trưởng



VŨ ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301261975 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 30 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 và 01/01/2017 là 396.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo thông báo chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 487/QĐ-SGDHN ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SSN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Công nghiệp khai thác cá và các thủy sản khác;
- Chế biến cá và thủy sản khác;
- Mua bán vải sợi, hàng thực phẩm chế biến;
- Đại lý vận tải biển;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán thủy sản, nông sản, thực phẩm, máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm hóa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phương tiện vận tải, thức ăn gia súc – thủy sản, vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), thức ăn nuôi trồng thủy sản, bạc nguyên chất (hàm lượng bạc trên 90%) dạng thỏi hoặc bán thành phẩm;
- Sản xuất, gia công linh kiện thép;
- Kinh doanh kho, bãi;
- Kinh doanh dịch vụ nhà ở và văn phòng làm việc (thực hiện đúng Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24/05/2001 của Thủ tướng Chính phủ);
- Mua bán thuốc bảo vệ thực vật;
- Luyện, cán thép (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là cho thuê kho, văn phòng.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động xây dựng dự án, chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

Đối với hoạt động khác, chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

1.5. Cấu trúc của Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn – Xí nghiệp Phú Viên	67 Phố Phú Viên, Tổ 2, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn	678 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn – kho lạnh Sea Sài Gòn	Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn	214 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

1995-
CÔNG TY
THỦY SẢN
SÀI GÒN
HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các giao dịch phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam công bố tại ngày này (30/06/2017: 22.700 VND/USD).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí môi giới, quảng cáo, hoa hồng, marketing, nhà mẫu.. liên quan đến dự án bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 – 25
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

4.11 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%. Theo quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/04/2017, từ ngày 01/06/2017, Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Quan hệ

Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt		
- VND	1.199.029.197	613.325.116
- Vàng	117.720.000	117.720.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	1.544.476.371	36.834.950.796
- USD	80.794.368	80.943.887
	2.942.019.936	37.646.939.799

Chi tiết số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	3.558,81	80.794.368

5.2 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Đông Á Sài Gòn	957.600.000	957.600.000
Công ty TNHH Bảo Vệ Thực Vật An Hưng Phát	257.933.248	257.933.248
Công ty TNHH Thương mại Bách Tùng	2.046.964.389	2.046.964.389
Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình	-	27.365.267.842
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Mộc Đức	5.577.000.000	-
Công ty Cổ phần PPT Land	990.000.000	-
Các khách hàng khác	72.863.838	72.863.838
	9.902.361.475	30.700.629.317
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.077.428.227)	(3.056.267.554)
	6.824.933.248	27.644.361.763

5.2.2 Phải thu dài hạn của khách hàng

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đĩnh Phong	34.846.724.579	35.447.384.692
Al Gasr International For Import And Export	8.335.814.068	8.335.814.068
Công ty TNHH Thương mại Khôi Long	443.143.971	443.143.971
Các khách hàng khác	863.571.701	863.571.701
	44.489.254.319	45.089.914.432
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(37.365.880.607)	(36.182.884.278)
	7.123.373.712	8.907.030.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Kinh Doanh Địa ốc Nam Tiến	2.348.984.155	307.598.984.155
Công ty Cổ phần Thủ Thiêm Land	2.198.531.600	1.649.062.940
Các nhà cung cấp khác	801.082.868	801.082.868
	5.348.598.623	310.049.129.963
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(344.000.000)	(344.000.000)
	5.004.598.623	309.705.129.963

5.3.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Hoàng Đạo	21.190.382.687	21.190.382.687
Công ty TNHH TMDV Bắc Việt Chung	339.935.026	339.935.026
Các nhà cung cấp khác	1.457.074.657	1.457.074.657
	22.987.392.370	22.987.392.370
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(22.987.392.370)	(22.987.392.370)
	-	-

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông (a)	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình (b)	41.667.000.030	68.499.520.548
Công ty Cổ phần Địa ốc Thủ Thiêm	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mộc Đức (c)	1.200.000.000	2.700.000.000
	242.867.000.030	277.199.520.548

(a) Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông vay theo Hợp đồng số 1011/HĐV/2016 ngày 10 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số 1205/PLHĐCV/2017 ngày 12 tháng 5 năm 2017 với số tiền là 200.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 12 tháng 05 năm 2017, với lãi suất cho vay là 11,5%/năm.

(b) Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình mượn theo hợp đồng cho mượn tiền số 1006/HĐVV/SEAPRODEXSG-TAMEXIM/2014 ngày 10 tháng 06 năm 2014 với số tiền cho mượn là 50.305.000.000 VND, thời hạn cho mượn tiền là 12 tháng, kể từ ngày chuyển tiền. Lãi suất cho mượn là 5%/năm. Theo phụ lục hợp đồng số 01/2015/PLHĐCV ngày 01 tháng 01 năm 2015 căn cứ trên hợp đồng số 1006/HĐVV/SEAPRODEXSG-TAMEXIM/2014 ngày 10 tháng 06 năm 2014, điều chỉnh lãi suất cho mượn là 10%/năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 01 tháng 01 năm 2016 thống nhất điều chỉnh lãi suất thành 18%/năm cho 2 khoản cho vay và mượn, thời hạn cho vay và mượn tăng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(c) Khoản tiền cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mộc Đức vay theo Hợp đồng cho vay số 1511/HĐV/2016 ngày 15 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số 1505/PLHĐCV/2017 ngày 15 tháng 5 năm 2017 với số tiền là 2.700.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 15 tháng 05 năm 2017, lãi suất là 12%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Sài Gòn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Toda	3.035.379.211	(3.035.379.211)	3.035.379.211	(3.035.379.211)
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	-	-	82.852.200.000	-
Ông Nguyễn Lê Phan	-	-	61.280.400.000	-
Ông Phan Phi Lập	-	-	68.700.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Tâm Thanh	-	-	62.104.800.000	-
Bà Nguyễn Thị Vũ Phương	-	-	75.157.800.000	-
Phải thu lãi cho vay, lãi hợp tác đầu tư:				
- Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình	8.912.275.933	-	21.149.043.078	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu Chính Viễn Thông	21.191.309.916	-	3.194.444.444	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Nam Tiến	16.407.187.500	-	-	-
Phải thu gốc từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ông Phạm Nguyên Khôi (a)	500.000.000	-	500.000.000	-
Tiền cho các tổ chức và cá nhân khác mượn:				
- Công ty Cổ phần Everland	8.673.340.473	-	8.581.680.284	-
- Công ty Cổ phần Thủ Thiêm Land	1.803.419.641	-	904.137.119	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Nam Tiến	41.408.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Nhân Kiệt	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giống Gia Cầm Miền Nam (b)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mộc Đức	172.433.333	-	38.700.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Thủ Thiêm	-	-	104.000.000	-
Phải thu hợp tác đầu tư:				
- Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình (c)	199.912.200.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu Chính Viễn Thông (d)	225.837.800.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Nam Tiến (e)	305.250.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thanh Niên	16.358.176.742	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	663.169.993	(16.519.500)	615.982.186	(16.519.500)
Tạm ứng nhân viên	4.821.353.718	(203.627.621)	2.785.831.898	(203.627.621)
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	381.000.000	(20.000.000)	921.000.000	(20.000.000)
Phải trả khác (Số Dư Nợ)	-	-	127.905.382	-
	840.960.454.460	(3.275.526.332)	419.053.303.602	(3.275.526.332)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

- (a) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001-12.2014/HĐHTKD-SPS ngày 01 tháng 12 năm 2014, theo đó Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn sẽ chuyển khoản cho Phạm Nguyên Khôi một khoản tiền là 500.000.000 VND để kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư sinh lợi từ khoản đầu tư của Công ty.
- (b) Đây là khoản tiền ứng trước theo hợp đồng hứa mua hứa bán số 001-2016/HĐH-TĐT/SEA – GGC về việc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 20 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng là 20.000.000.000 VND
- (c) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư 3 bên số 001-1/HĐHT/SEA-TMX/2017 ngày 30 tháng 03 năm 2017, theo đó Công ty (bên A) sẽ chuyển khoản cho Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình (bên B) một khoản tiền là 199.912.200.000 VND để bên B đủ khả năng đáp ứng nhu cầu vốn cho Công ty Cổ phần PPT Land (bên C) thực hiện Dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, Phường 11, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn hợp tác là 12 tháng từ ngày 27/03/2017 với mức lợi nhuận 15%/năm. Đến ngày 30/06/2017, Công ty đã chuyển đủ tiền.
- (d) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư 3 bên số 001-2/HĐHT/SEA-SAICOM/2017 ngày 30 tháng 03 năm 2017, theo đó Công ty (bên A) sẽ chuyển khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn thông (bên B) một khoản tiền là 225.837.800.000 VND để bên B đủ khả năng đáp ứng nhu cầu vốn cho Công ty Cổ phần PPT Land (bên C) thực hiện Dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, Phường 11, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn hợp tác là 12 tháng từ ngày 30/03/2017 với mức lợi nhuận 15%/năm. Đến ngày 30/06/2017, Công ty đã chuyển đủ tiền.
- (e) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư 3 bên số 001-3/HĐHT/SEA-NTC/2017 ngày 11 tháng 01 năm 2017, theo đó Công ty (bên A) sẽ chuyển khoản cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Nam Tiến (bên B) một khoản tiền là 305.250.000.000 VND để bên B đủ khả năng đáp ứng nhu cầu vốn cho Công ty Cổ phần PPT Land (bên C) thực hiện Dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, Phường 11, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn hợp tác là 12 tháng từ ngày 11/01/2017 với mức lợi nhuận 15%/năm. Khoản đầu tư này được chuyển qua từ khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Nam Tiến để thực hiện hợp đồng thi công dự án 678 Âu Cơ.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty TNHH Thép Việt Thành	385.321.038	(385.321.038)	385.321.038	(385.321.038)
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát Triển Hà Gia	60.000.000	(60.000.000)	60.000.000	(60.000.000)
Phải thu dài hạn khác	30.787.200	(30.787.200)	30.787.200	(30.787.200)
	476.108.238	(476.108.238)	476.108.238	(476.108.238)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5.6 Nợ xấu

5.6.1 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	3.077.428.227	-	(3.077.428.227)	3.077.428.227	21.160.673	(3.056.267.554)
Trả trước người bán	344.000.000	-	(344.000.000)	344.000.000	-	(344.000.000)
Phải thu khác	3.051.898.711	-	(3.051.898.711)	3.051.898.711	-	(3.051.898.711)
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.288.788.920	-	(2.288.788.920)	2.288.788.920	-	(2.288.788.920)
Tạm ứng	203.627.621	-	(203.627.621)	203.627.621	-	(203.627.621)
Cầm cố thế chấp ký quỹ ký cược ngắn hạn	20.000.000	-	(20.000.000)	20.000.000	-	(20.000.000)
	8.985.743.479	-	(8.985.743.479)	8.985.743.479	21.160.673	(8.964.582.806)

5.6.2 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	44.489.254.319	7.123.373.712	(37.365.880.607)	45.089.914.432	8.907.030.154	(36.182.884.278)
Trả trước người bán	22.987.392.370	-	(22.987.392.370)	22.987.392.370	-	(22.987.392.370)
Phải thu khác	476.108.238	-	(476.108.238)	476.108.238	-	(476.108.238)
	67.952.754.927	7.123.373.712	(60.829.381.215)	68.553.415.040	8.907.030.154	(59.646.384.886)

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Hàng tồn kho gửi tại Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Định Phong	2.288.788.920	2.288.788.920
	2.288.788.920	2.288.788.920
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.288.788.920)	(2.288.788.920)
	-	-

Giá trị của 74,25 tấn hạt nhựa HDPE là 2.288.788.920 VND gửi tại kho Tân Định Phong bị niêm phong bởi các chủ nợ của công ty này. Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc này và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán. Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi cho khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2017	1.794.851.696	3.484.939.364	104.986.750	5.384.777.810
Mua trong kỳ	-	6.660.000.000	-	6.660.000.000
Tại 30/06/2017	1.794.851.696	10.144.939.364	104.986.750	12.044.777.810

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2017	1.614.559.588	1.077.240.700	104.986.750	2.796.787.038
Khấu hao trong kỳ	52.887.502	290.897.850	-	343.785.352
Tại 30/06/2017	1.667.447.090	1.368.138.550	104.986.750	3.140.572.390

GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	180.292.108	2.407.698.664	-	2.587.990.772
Tại 30/06/2017	127.404.606	8.776.800.814	-	8.904.205.420

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 01/01/2017	1.132.362.000	441.982.364	104.986.750	1.679.331.114
Tại 30/06/2017	1.461.913.501	441.982.364	104.986.750	2.008.882.615

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại 01/01/2017	264.747.900
Mua trong kỳ	-
Tại 30/06/2017	264.747.900

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại 01/01/2017	264.747.900
Khấu hao trong kỳ	-
Tại 30/06/2017	264.747.900

GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2017	-
Tại 30/06/2017	-

5.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí xây dựng nhà mẫu	8.779.843.124	8.091.860.076
Chi phí tư vấn	4.826.149.952	4.826.149.952
Chi phí xây dựng	7.794.993.562	3.312.991.435
Chi phí khác	6.395.386.583	6.279.679.132
	27.796.373.221	22.510.680.595

Đây là các chi phí liên quan đến xây dựng dự án khu phức hợp căn hộ và dịch vụ thương mại Centa Park tại số 678 Âu Cơ, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư cổ phiếu góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty niêm yết						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	4.446.420.000	(3.541.002.000)	905.418.000	4.446.420.000	(3.817.220.100)	629.199.900
Công ty chưa niêm yết						
Công ty Cổ phần Thương mại Vàng bạc đá quý Phương Nam	400.000.000	(323.000.000)	77.000.000	400.000.000	(323.000.000)	77.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	820.000	-	820.000	820.000	-	820.000
	4.847.240.000	(3.864.002.000)	983.238.000	4.847.240.000	(4.140.220.100)	707.019.900

	Số lượng VND	Đơn giá mua VND	Trị giá đầu tư VND	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư cổ phiếu góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty niêm yết				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	65.610	67.770	4.446.420.000	(3.541.002.000)
Công ty chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần Thương mại Vàng bạc đá quý Phương Nam	10.000	40.000	400.000.000	(323.000.000)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	82	10.000	820.000	-
			4.847.240.000	(3.864.002.000)

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí hoa hồng, môi giới, marketing liên quan đến căn hộ dự án Centa Park (a)	14.627.041.597	14.627.041.597
Chi phí thuê đất (b)	4.857.466.554	4.918.058.652
Công cụ, dụng cụ	12.824.999	-
	19.497.333.150	19.545.100.249

(a) Trong kỳ, Công ty ghi nhận vào chi phí trả trước của chi phí hoa hồng, môi giới, marketing liên quan đến căn hộ dự án Centa Park căn cứ theo 2 hợp đồng:

- (i) Hợp đồng đại lý tiếp thị và phân phối sản phẩm số 01/HĐKT/SEASG-TTL/2016 giữa Công ty Cổ Phần Thủ Thiêm Land với Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn về việc chỉ định Công ty Cổ Phần Thủ Thiêm Land làm đại diện tiếp thị, môi giới và bán hàng độc quyền tại Việt Nam. Tại khoản b, Điều 6, Công ty sẽ thanh toán theo 2 đợt: đợt 1 sẽ thanh toán 2,5% khi khách hàng thanh toán đủ số tiền đợt 1 hoặc khách hàng thanh toán đủ 10% giá trị mỗi sản phẩm bất động sản giao dịch thành công, đợt 2 thanh toán tiếp 1,5% trong vòng 10 ngày kể từ ngày khách hàng thanh toán đủ 30%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

- (ii) Hợp đồng đại lý tiếp thị và phân phối sản phẩm số 005/HĐKT/SEASG-TNL/2016 giữa Công ty Cổ Phần Thanh Niên Land với Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn về việc chỉ định Công ty Cổ Phần Thanh Niên Land làm đại diện tiếp thị, môi giới và bán hàng độc quyền tại Việt Nam. Tại khoản b, Điều 6, Công ty sẽ thanh toán theo 2 đợt: đợt 1 sẽ thanh toán 2,5% khi khách hàng thanh toán đủ số tiền đợt 1 hoặc khách hàng thanh toán đủ 10% giá trị mỗi sản phẩm bất động sản giao dịch thành công, đợt 2 thanh toán tiếp 1,5% trong vòng 10 ngày kể từ ngày khách hàng thanh toán đủ 30%.

Hiện tại, Công ty đang trích chi phí hoa hồng, môi giới, marketing theo tỷ lệ thanh toán đợt 1 là 2,5% trên giá trị căn hộ mà khách hàng đã đặt cọc.

- (b) Chi phí thuê đất thể hiện tiền thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại số 1534 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 457,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 702919 ngày 04/04/2016 được cấp có thời hạn đến ngày 29/12/2056.

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Xây dựng Bình Định	-	399.999.600
Công ty TNHH Ánh Dương Construction	7.647.977	211.762.763
Công ty TNHH Bê tông Tiên Phong	-	106.184.100
Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TP. Hồ Chí Minh	192.066.000	192.066.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Tài Sản 304	252.232.440	109.061.279
Commodities International, Inc.	1.485.247.379	1.485.247.379
Các nhà cung cấp khác	328.049.380	412.823.180
	<u>2.265.243.176</u>	<u>2.917.144.301</u>

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Người mua đặt cọc để mua căn hộ Centa Park	96.541.276.521	96.351.442.495
Các khách hàng khác	530.338.286	175.805.286
	<u>97.071.614.807</u>	<u>96.527.247.781</u>

5.15 Thuế và các khoản thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong kỳ			30/06/2017	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Chuyển khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.652.891	-	1.218.018.922	-	(1.225.671.813)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.421.856.314	-	9.712.778.975	(3.660.000.000)	-	14.474.635.289	-
Thuế thu nhập cá nhân	203.773.475	-	53.154.575	(17.410.900)	-	239.517.150	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.715.328.210	-	995.204.480	(2.268.354.643)	-	453.411.803	(11.233.756)
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-	-
Cộng	<u>10.348.610.890</u>	<u>-</u>	<u>11.985.156.952</u>	<u>(5.951.765.543)</u>	<u>(1.225.671.813)</u>	<u>15.167.564.242</u>	<u>(11.233.756)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.968.275.734
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	
Các khoản điều chỉnh tăng	595.619.141
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	48.563.894.875
Lỗ các năm trước được chuyển	-
Thu nhập tính thuế	48.563.894.875
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.712.778.975

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	876.430.200	858.511.297
Phí môi giới, marketing cho dự án Centa Park	12.345.552.261	12.260.778.461
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	15.000.000	15.000.000
	13.236.982.461	13.134.289.758

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	142.977.801	140.899.575
Bảo hiểm xã hội	5.770.199	3.136.448
Bảo hiểm y tế	1.026.732	820.516
Bảo hiểm thất nghiệp	381.140	289.490
Phải trả các khoản tiền mượn:		
- Công ty Cổ phần Thanh Niên	-	4.441.823.258
- Các cá nhân	-	2.437.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng (a)	500.282.105.040	500.000.000.000
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu Tầm Tơ Việt Nam (b)	14.690.666.666	14.690.666.666
Thuế GTGT còn phải nộp liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại số 200 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh chưa được quyết toán	8.548.163.636	8.548.163.636
Phải trả liên quan đến việc nhận giữ chỗ mua căn hộ	5.096.847.200	4.696.874.200
Lãi chậm nộp thuế	3.742.617.763	3.742.618.763
Cổ tức	1.938.961.658	1.941.553.758
Phải trả tiền mua đất cho Công ty Cổ phần Tập Đoàn Muối Miền Nam	500.000.000	500.000.000
Các khoản phải trả khác	1.040.445.637	1.041.760.137
	535.989.963.472	542.185.606.447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

- (a) Theo hợp đồng hợp tác số 88/HĐ-HTĐT/SEA-TRASECO ngày 18/08/2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng ("TRASECO") về việc hợp tác đầu tư dự án Centa Park tại số 678 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty sẽ góp bằng quyền đầu tư dự án và các hạng mục công trình với giá trị tạm tính là 500.000.000.000 VND. TRASECO góp số tiền 500.000.000.000 VND và đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã góp đủ vốn. Các bên được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ dự án theo tỷ lệ góp vốn vào dự án.
- (b) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 03.08/HĐHTKD/SEASG-DTT/2015 ngày 03/08/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu Tằm Tơ Việt Nam. Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ quyền sở hữu đối với công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất (trả tiền thuê đất hàng năm) tại 1534 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh và năng lực quản lý, khai thác kinh doanh; Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu Tằm Tơ Việt Nam góp vốn bằng chi phí đầu tư và được chia lợi nhuận cố định là 12%/năm đối với số tiền công ty này góp vốn. Tính đến ngày 30/06/2017, Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu Tằm Tơ Việt Nam đã góp vốn là 14.000.000.000 VND. Hiện tại, Công ty đang tiến hành lên phương án để sửa chữa, cải tạo mặt bằng.

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	660.000.000	-
	<u>660.000.000</u>	<u>-</u>

5.18 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ hỗ trợ phát triển chi nhánh Hà Nội	281.301.475	281.301.475
	<u>281.301.475</u>	<u>281.301.475</u>

Khoản vay Quỹ hỗ trợ phát triển chi nhánh Hà Nội phát sinh tại Xí nghiệp Phú Viên nhằm đầu tư sửa chữa ô bể chượp, thiết bị điện, nước và cải tạo nhà kho phục vụ sản xuất nước mắm.

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2016	396.000.000.000	931.464.240	(22.398.047.905)	374.533.416.335
Lãi trong kỳ	-	-	83.528.130.918	83.528.130.918
Các khoản giảm khác	-	-	(20.073.594)	(20.073.594)
Số dư tại 31/12/2016	396.000.000.000	931.464.240	61.110.009.419	458.041.473.659
Số dư tại 01/01/2017	396.000.000.000	931.464.240	61.110.009.419	458.041.473.659
Lãi trong kỳ	-	-	38.255.496.758	38.255.496.758
Số dư tại 30/06/2017	396.000.000.000	931.464.240	99.365.506.177	496.296.970.417

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THÙY SẴN SÀI GÒN
87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp (%)	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ông Nguyễn Nhân Kiệt	46,04	182.300.000.000	182.300.000.000
Ông Nguyễn Trọng Trí	8,08	32.000.000.000	32.000.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam	5,05	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư MB	5,01	19.820.000.000	19.820.000.000
Ông Nguyễn Khải Hưng	4,80	19.000.000.000	19.000.000.000
Các cổ đông khác	31,02	122.880.000.000	122.880.000.000
	100,00	396.000.000.000	396.000.000.000

5.19.3 Cổ phiếu

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.600.000	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.600.000	39.600.000
Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.600.000	39.600.000
Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	3.558,81	3.565,81
Vàng	36 chỉ vàng 96%	36 chỉ vàng 96%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu cho thuê	12.186.131.257
	12.186.131.257

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn cho thuê	2.882.857.219
	2.882.857.219

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017
VND

Lãi tiền gửi, lãi cho vay	17.350.604.879
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	29.345.954.625
Tiền lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh Phạm Nguyễn Khôi	50.000.000
	<hr/>
	46.746.559.504

6.4 Chi phí tài chính

Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017
VND

Chi phí lãi vay	349.695.648
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	(276.218.100)
Chi phí tài chính khác	254
	<hr/>
	73.477.802

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017
VND

Chi phí nhân viên quản lý	1.053.718.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.118.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ chi phí trả trước	404.377.449
Thuế, phí và lệ phí	578.079.920
Chi phí dự phòng	1.204.157.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.965.470
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.138.608.660
	<hr/>
	7.590.025.384

6.6 Chi phí khác

Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017
VND

Phạt vi phạm hành chính về thuế	281.454.623
Thủ lao HĐQT và Ban Kiểm Soát	136.600.000
	<hr/>
	418.054.623

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017
VND

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	38.255.496.758
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.255.496.758
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	39.600.000
	<hr/>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	966

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	39.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	39.600.000
6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân công	1.053.718.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ	404.377.449
Chi phí/ (hoàn nhập) dự phòng	1.204.157.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.965.470
Chi phí khác	7.603.663.982
	10.472.882.603
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC	
7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan	
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.	
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:	
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lương, thù lao	444.600.000
7.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán	
Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (ngày 30 tháng 06 năm 2017) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.	

PHẠM HẢI YẾN
Người lập biểu

TRẦN THỊ MAI THỤ
Kế toán trưởng



VŨ ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017